

Tenzin Palmo

Thệ nguyện thành Phật dưới thân nữ, một sư cô người Anh suốt 12 năm trường cô tịch đắm mình trong thiền quán trên rặng Hy Mã Lạp Sơn tuyết phủ.

Lam Điền

Lược dịch từ cuốn Cave in the Snow của Vicki Mackenzie và bài phỏng vấn Mackenzie và Tenzin Palmo của Julia Hengst trên tạp chí Mandala số tháng giêng-tháng hai năm 1999.

Tenzin Palmo chào đời vào một ngày tháng 6 năm 1943 khi máy bay Đức đang tung hoành dội bom xuống thành phố Luân-Đôn, mẹ cô đặt tên cô là Diane theo một bản nhạc Pháp phổ biến mà bà ưa thích thời đó. Gia đình cô sống trên căn gác nhỏ ở khu phía Đông nghèo nàn của thành phố Luân-Đôn, phía dưới là hiệu cá do cha cô làm chủ. Cha cô từng bị hơi ngạt trong thời Thế Chiến Thứ Nhất nên bị chứng sưng phổi rất nặng. Phải làm việc trong cửa hiệu lạnh lẽo và ẩm ướt khiến bệnh ông nặng thêm, ông qua đời khi Diane lên hai, để lại việc chăm nuôi Diane và người anh trai hơn cô sáu tuổi, trên vai người vợ Lee Perry. Mẹ cô là một phụ nữ rất đặc biệt, làm việc đầu tắt mặt tối, tính tình rần rỏi, đầu óc cởi mở, luôn lạc quan dù ở trong nghịch cảnh, đặc biệt quan tâm tới thế giới siêu hình, và luôn kiên cường ủng hộ cô trong mọi nỗ lực tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời.

Ngay từ khi còn nhỏ, Diane đã là một cô bé nội hướng, chỉ thích một mình đọc sách, ưa thắc mắc tra hỏi, và có một đầu óc sâu sắc. Cô không thích đùa bạn bè về nhà chơi, cô nghĩ cô có mục đích khác ở đời. Bất cứ cái gì về Đông phương cũng đều lôi cuốn cô. Cô thường say sưa hàng tiếng đồng hồ vẽ hình phụ nữ Nhật trong các bộ kimono dài lướt thướt. Khi nhà hàng Trung Hoa đầu tiên mở cửa ở khu phía Tây, cô nài nỉ mẹ đưa đi để được nhìn tận mắt các khuôn mặt Á Đông. Cô cũng có một say mê không giải thích được về các nữ tu, đặc biệt là các nữ tu giòng kín. Một hôm ở trong một cửa tiệm gần nhà, người đàn bà coi tiệm hỏi cô sau này sẽ làm gì, cô thản nhiên trả lời cô sẽ là một nữ tu. Người đàn bà phá lên cười bảo rằng rồi cô sẽ đổi ý. Cô thầm nghĩ, Ô Bà lầm rồi! Chỉ có điều cô không thể ngờ được là sau này cô lại trở thành một nữ tu Phật Giáo.

Cô cũng có những bất thường khác. Lúc nào cô cũng cảm thấy Anh Quốc không phải là nơi chốn của mình, thêm vào đó cô còn thấy có một cái gì bất thường trong việc mình là con gái. Khi nghe người lớn nói tới tuổi dậy thì thân thể sẽ thay đổi, cô nghĩ Ô Tót, lúc đó mình sẽ trở thành con trai. Ở Tính khí của cô thật là lý tưởng cho đời sống thiền quán lặng lẽ một mình sau này, nhưng thân thể cô lại không thích hợp chút nào. Suốt thời niên thiếu bị bệnh tật liên miên, cô yếu đến nỗi bác sĩ và các thầy cô giáo đều khuyên sau này đừng bao giờ làm công việc gì nặng nhọc. Từ bẩm sinh, đoạn cuối xương sống của cô bị quặt vào bên trong và nghiêng về bên trái, khiến toàn bộ cột sống bị mất thăng bằng. Tình trạng này khiến xương sống yếu và cô dễ bị đau lưng. Khi mới sinh được vài tháng cô bị sưng màng óc, khối rồi bị lại. — bệnh viện nhìn đứa con còm đẹt chân tay như que tăm và cặp mắt xanh to tướng qua lồng kính, bà mẹ quần trí đã tưởng cô không thể nào sống nổi.

Rồi căn bệnh kỳ bí với những cơn sốt lên cao và những trận nhức đầu kịch liệt mà bác sĩ không tìm ra nguyên do. Căn bệnh này khiến cô thường phải vào bệnh viện và mỗi lần đều phải nằm lại nhiều tháng. Những khi bị sốt nặng, cô thường xuất vĩa ra khỏi xác, và vì còn nhỏ không dám đi xa, chỉ bay lòng vòng trên khu vực gần nhà, lơ lửng bên trên, nhìn xuống người ở dưới đường. Khi lên mười mấy tuổi, cô muốn thử xuất vĩa lại nhưng sợ quá nên chẳng bao giờ phát triển được khả năng này.

Diane lớn lên thành một cô bé xinh xắn, vẫn gầy và vẫn với đôi mắt xanh to lớn. — cả tiểu học và trung học cô đều là học sinh giỏi, nhưng không thuộc loại



xuất sắc. Mặc dù nhà nghèo, mồ côi cha và bà mẹ phải làm việc cật lực mới vừa đủ nuôi gia đình, đối với cô đó lại là thời niên thiếu hạnh phúc. Mẹ cô là người tin vào thế giới tâm linh, hàng tuần vào mỗi tối thứ tư, hàng xóm tụ tập tại nhà cô trong các buổi vấn linh quanh chiếc bàn gỗ gụ lớn. Thường là một người hàng xóm ngồi đồng, rơi vào trong tình trạng xuất thần và nhận những câu trả lời, những lời hướng dẫn từ thế giới vô hình. Cô nhớ có lần mẹ cô nói đùa là các vong linh chẳng có sức mạnh bao nhiêu. Họ liền cho mẹ cô biết liền bằng cách bảo một bà hàng xóm nặng khoảng 115 kí ngồi lên chiếc bàn gỗ gụ nặng nề, rồi họ làm cho chiếc bàn bay lơ lửng quanh phòng, mọi người đều phải chạy dạt vào góc để tránh lối. Cô đã lãnh hội được nhiều qua các kinh nghiệm như vậy. Không ai có thể thuyết phục cô là tâm thức không còn tồn tại sau khi chết, bởi vì nhiều lần cô có chứng cứ cho thấy tâm thức vẫn còn tồn tại. Đối với cô, đây không phải là niềm tin mà là điều cô biết chắc chắn phải như vậy. Trong gia đình cô, chết là đề tài được bàn thảo rất nhiều. Cô biết nhiều người tránh không dám nghĩ tới cái chết vì sợ chết. Nếu không có cái sợ này, người ta cất được gánh nặng rất lớn trong cuộc sống. Tuy nhiên cô không hài lòng với việc vấn linh, ngồi đồng như vậy. Ngay chỉ mới hơn mười tuổi cô đã nhận ra việc vấn linh không đi tới đâu, chỉ làm cho những người tham dự bị cuốn hút, mất thì giờ trong việc chuyện trò bá láp với các thân nhân đã qua đời.

Đầu óc cô có cái đặc điểm là nhìn thấu suốt tới tận đáy sự việc như vậy. Khi cô được khoảng 13 tuổi, một hôm sau một buổi chiều đầy thú vị đi thăm bà con trở

về, hai mẹ con ngồi chờ ở trạm xe buýt. Đột nhiên trong tâm trí cô loé lên: rồi chúng ta ai cũng phải chết, và trước đó có lẽ phải già đi và bị bệnh nữa. Chưa ai nói với cô về những điều này, nó xuất hiện như một tia chớp. Cô nhìn xe buýt qua lại, đèn sáng trưng, người ta cười nói vui vẻ. Cô tự hỏi họ có biết điều gì sẽ xảy ra cho họ không. Cô nói với mẹ cuộc đời thật đáng buồn vì tất cả những thứ mà chúng ta phải trải qua. Mẹ cô, người đã từng phải chịu đựng nhiều gian lao, vất vả một mình nuôi nấng hai con, trả lời: đúng vậy con à, cuộc đời có nhiều nỗi khổ nhưng cũng có nhiều cái vui thích chớ. Cô nghĩ mẹ cô không nắm được điều cô muốn nói. Có những điều vui thích thật NHƯNG đằng sau tất cả là sự thật không gì có thể thay đổi được là tuổi già, bệnh tật và cái chết, và điều này đã làm cho tất cả các vui thú khác không còn ý nghĩa gì nữa.

Thiên Chúa Giáo, đạo gốc của cô, không có một âm hưởng nào đối với Diane cả. Cô không thể chấp nhận ý niệm Thượng Đế có một bản ngã như con người. Những tán ca tán tụng Thượng Đế tạo ra những thứ tối lành khiến cô thắc mắc, vậy ai làm ra những thứ xấu xí, buồn chán? Hoặc tán ca ngày mùa ca ngợi Thượng Đế đã đem lại mưa nắng, cô nghĩ: vậy Thượng Đế cũng đem lại hạn hán và đói kém. Dường như cô đang đối diện với vấn đề nhị nguyên, những cái mâu thuẫn tốt xấu, tối sáng, sạch dơ, và cố tìm ra một giải đáp để vượt lên trên những đối đãi đó. Năm 15 tuổi cô tập yoga và qua đó biết đến Ấn Độ Giáo. Cô có hài lòng hơn một chút, nhưng cái vướng mắc chính vẫn là ý niệm về Thượng Đế. Sau đó cô chuyển qua trường phái Hiện Sinh, đọc sách của Sartre, Kierkegaard và Camus. — đây cô nhận ra các tác giả Hiện Sinh đã đặt đúng câu hỏi nhưng họ không có câu trả lời. Và như thế cô vẫn tiếp tục tìm kiếm.

Một đột phá quan trọng xảy ra vào năm 1961 khi Diane được 18 tuổi. Năm đó cô đã rời trung học và đang làm cho một thư viện, một công việc êm ả, dễ chịu theo đúng lời khuyên của thầy cô giáo của cô. Thật ra cô ước ao được lên đại học để học Anh văn và triết học, nhưng mẹ cô không có tiền để cô theo đuổi bậc đại học và Diane đành tự an ủi là đi làm để dành tiền sẽ khiến cơ hội rời nước Anh đi khám phá phương Đông của cô sớm được thành hình. Hôm đó hai mẹ con đang chờ ở phi trường sau chuyến thăm người anh trai của cô đã gia nhập không quân Anh và đang đồn trú ở Đức. Trước khi rời Luân Đôn, cô mang theo ba cuốn sách mượn ở thư viện chỗ cô làm việc, một cuốn của Sartre, một cuốn của Camus, và một cuốn kia lấy vội trong giây phút cuối cùng vì vừa được một độc giả đem trả lại thư viện. Cuốn sách này có hình Đức Phật

ở ngoài bìa, nhưng chính cái tựa *Tâm Không Có Gì Lay Chuyển Nổi* khiến cô lưu ý. — Đức cô đã đọc hai cuốn sách kia, không biết vì lý do gì cô không để ý tới cuốn sách Phật giáo. Chờ ở phi trường quân sự cho chuyến bay bị hoãn tới tám tiếng đồng hồ, không có gì làm và để cho đỡ chán, cô đọc cuốn sách Phật giáo. Khi đã đọc được phân nửa cuốn sách, cô quay qua mẹ, và với giọng nhỏ nhẹ đầy ngạc nhiên, cô nói với bà: con là một Phật tử, mẹ ạ. Kỳ lạ quá, ngạc nhiên quá, tất cả những thứ cô suy nghĩ và tin tưởng đều có ở trong đó, có điều sáng sủa, mạch lạc hơn nhiều. Và kèm theo đó là con đường rõ ràng và hợp lý để đưa chúng ta trở về với cái hoàn hảo nguyên thủy của mình.

Nói cho đúng hơn, điều mà cô tìm thấy trong những trang sách đó là sự đương đầu của Đức Phật với vấn đề hóc búa đã từng đập mạnh vào tâm trí cô khi cô thấy người ta thoải mái trò chuyện trên chuyến xe buýt ngày nào — vấn đề sanh lão bệnh tử của tất cả mọi người. Cô cũng rất thích thú với giáo lý về tái sinh và sự kiện là mỗi người tự quyết định về kiếp sống tái sinh qua các hành động của mình, chẳng có đấng thần linh nào ở bên ngoài giật dây, điều khiển cả. Khi cô học hỏi về Ấn Độ Giáo, người ta nhấn mạnh rất nhiều về tiểu ngã (linh hồn) và sự tương quan của tiểu ngã với Thiêng Liêng. Lần đầu tiên nghe chữ tiểu ngã, cô cảm thấy buồn nôn, phản ứng ghê tởm của cô đối với chữ này mạnh mẽ đến như vậy. Ngược lại Phật Giáo nói về vô ngã, không có cái thực thể độc lập nào gọi là ỒNgãỒ làm cơ sở để các vọng tưởng xây dựng trên đó cả. Đối với cô, điều này mới thật là tự do, mới thật là giải phóng.

Quyển sách đó đã hoàn toàn thay đổi cuộc đời cô. Cô đã tìm ra con đường của mình và không bỏ phí một chút thì giờ nào, dần thân vào con đường đã chọn. Một khi đã làm điều gì, cần phải làm cho đến hoàngỒ là chặm ngôn trong suốt cuộc đời cô. Đây không phải là việc dễ làm ở nước Anh vào năm 1961 khi sách vở về các đề tài Phật Giáo và các trung tâm thiền còn rất hiếm hoi. Nhưng rồi cô cũng tìm ra Hội Phật Giáo ở Quảng Trường Eccleston do Christmas Humphrey thành lập. — đây cô đã đắm mình trong những món châu báu của Phật Giáo Nam Tông. Cô

học về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo và cô thấy như đang được dự một bữa tiệc thịnh soạn sau khi bị bỏ đói không biết đã bao lâu. Nhưng cô cảm thấy trong lý tưởng A-La-Hán có điều gì bất ổn; sau khi phá hết các phiền não, bậc A-La-Hán được giải thoát, không phải quay trở lại thế giới khổ đau này nữa. Có cái gì như lạnh lùng ở trong đó. Cô yêu mến hình ảnh Đức Phật và thường khóc mỗi khi nghĩ tới Ngài, cô muốn được trở thành giống như Đức Phật chứ không muốn

trở thành bậc A-La-Hán. Rồi ít tháng sau tình cờ cô đọc một quyển sách của ngài Long-Thọ trong đó nói về hạnh nguyện của bậc Bồ-Tát, từ bỏ Niết-Bàn quay trở lại thế gian để cứu độ tất cả chúng sinh, không mệt mỏi từ đời này qua đời nọ. Ngay lập tức cô biết đây là điều cô muốn, đây chính là mục đích cô muốn đạt tới: hành động chỉ vì lòng từ thương xót mọi chúng sinh.

Trong một quyển sách khác, cô đọc được một đoạn giải thích về bốn tông phái Phật Giáo Tây Tạng Nyingma, Sakya, Gelug và Kargyu. Khi cô đọc chữ Kargyu có tiếng nói trong đầu bảo cô là người Kargyupa. Lòng cô chùng xuống, cô không muốn đi theo Phật Giáo Tây

Tạng một chút nào. Khi đó Phật Giáo Tây Tạng còn chưa được hiểu biết đúng đắn nên khi thấy những hình ảnh chư Phật, Bồ-Tát nhiều tay, nhiều chân, với răng nanh, mắt lồi, người ta liền coi đó là hình thức Phật Giáo suy đồi. Cô thường nghe thấy tiếng nói kỳ bí này ở các thời điểm quan trọng hướng dẫn, cảnh cáo và lèo lái cô vào con đường đúng. Cô luôn luôn làm theo tiếng nói bất kể đầu óc cô suy nghĩ ra sao. Cô liền liên lạc với một người quen và được cho mượn cuốn tiểu sử ngài Milarepa, vị thánh tăng thi sĩ Tây Tạng, bậc hành giả tuyệt vời bao nhiêu năm trường thiền định trên các hang động tuyết phủ và là vị tổ sáng lập ra dòng Kargyu. Đọc xong quyển sách, cô tức thời thay đổi cái nhìn của mình về Phật Giáo Tây Tạng. Quyển sách đề cập tới cõi tịnh độ, cõi của các vong linh, các cung trời và địa ngục. Những bình diện hiện hữu này cô đã được biết đến qua các thời vấn linh ngày xưa. Rồi chuyện ngài Milarepa bay được cũng là điều gì gần gũi lắm vì chính cô khi còn bé những lần bị bệnh cũng đã từng bay ra khỏi xác.



Việc trước mắt bây giờ là cô phải tìm một vị thầy, giống như ngài Milarepa đã tìm ra ngài Marpa vậy. Cô nghĩ thầy cô sẽ thuộc dòng Kargyu ở Ấn Độ bởi vì Ấn Độ là nơi người Tây Tạng tập trung sau khi bỏ xứ ra đi tị nạn.

Trong khi đó cuộc sống của cô không phải chỉ thuần về tôn giáo, tâm linh. Đó là những năm đầu của thập niên 60, thời của nhạc rock'n' roll và cô là người rất say mê Elvis Presley. Cô giao du thân mật với các bạn trai, đặc biệt là người Á Châu. Cô mang giầy cao gót, diện quần áo đẹp, tới các câu lạc bộ nhạc jazz và mê nhảy đầm. Thế là cô bị giăng co giữa hai mặt trái ngược nhau trong con người mình, rơi vào một cuộc xung đột nội tâm mà trong mấy năm trời cô không thể giải quyết được. Cô thật sự hoảng sợ thì lúc đó tiếng nói bên trong bảo cô đừng bận tâm gì về việc đó, khi thời điểm từ bỏ tới, cô sẽ từ bỏ, bây giờ hãy còn trẻ, hãy cứ vui thú đi. Bên cạnh nếp sống sôi nổi đó cô vẫn không quên ý định đi tìm thầy. Cô có nghe nói đến một phụ nữ người Anh tên Freda Bedi thành lập một tu viện nhỏ dành cho các sư cô dòng Kargyu và một trường học để đào tạo các vị thầy tái sinh ở Dalhousie, phía bắc Ấn Độ. Cô viết thư cho tu viện, nói cô có ý định tới đó để phục vụ bất cứ việc gì trong khả năng của mình. Thư trả lời bảo cô cứ tới, đừng ngại gì cả.

Dalhousie thật là thơ mộng nằm trải dài trên một dãy đồi giữa những rừng thông uy nghi và những bầy khỉ khọt khết ồn ào. — trên cao độ hơn hai ngàn thước, Dalhousie tránh được cái nóng thiêu đốt của mùa hè đồng thời lại có được cái phong cảnh tuyệt vời của bình nguyên Ấn Độ ở một bên và phía bên kia là những ngọn đồi ở chân rừng Hy Mã Lạp Sơn. Diane được giao cho hai công việc: làm thư ký riêng cho sư bà Freda Bedi và dạy tiếng Anh vỡ lòng cho các vị thầy nhỏ. Người Tây Tạng ở đây nghèo khổ và phải làm những công việc nặng nề, vất vả; chính nếp sống của cô cũng thiếu thốn, cơ cực nhưng cô cảm thấy rất hạnh phúc. — đây chỉ ba tháng sau đúng vào ngày sinh thứ 21 của cô, cô gặp Khamtrul Rinpoche (Rinpoche trong tiếng Tây Tạng có nghĩa là quý báu, danh hiệu để gọi một vị thầy tái sinh đã được nhìn nhận, thường được coi như hàng Bồ-Tát có khả năng chọn chỗ, thời điểm và hoàn cảnh tái sinh để tiếp tục hạnh nguyện hành đạo, độ sinh), vị thầy chẳng bao lâu sau trở thành bốn sư của cô, người có ảnh hưởng sâu xa và lớn lao nhất trong suốt cuộc đời cô.

Khamtrul Rinpoche đời thứ tám xuất thân từ tu viện Khampagar ở vùng Kham, phía đông Tây Tạng. Khampagar rộng lớn như một lâu đài với những vách

tường sơn vàng, mái hoàng kim lóng lánh trong ánh nắng tình khôi của Tây Tạng. Nếu chỉ kể đời hiện tại, tu viện này đã là thế giới của Rinpoche trong suốt gần 30 năm, còn nếu kể cả tám hoá thân thì đây đã là giang sơn và trung tâm quyền lực của ông trải dài trong suốt 450 năm. Trong thời gian này, Khampagar đã phát triển cả về kích thước lẫn ảnh hưởng, bao gồm khoảng 200 tự viện, hàng trăm ngàn tăng chúng và một đội ngũ hành giả ưu tú nổi danh trên toàn cõi Tây Tạng. Trước sự tàn phá của người Trung Hoa, Rinpoche quyết định trốn đi, bỏ lại đằng sau những hào nhoáng, những đặc quyền, những biểu trưng tôn quý, những người tùy tùng và cả một nếp sống đã bao đời. Cuộc vượt trốn với một nhóm nhỏ những người thân tín cũng đầy hiểm nguy. Đoàn người phải vượt qua những đoạn sông chảy xiết găm thét, người ta nói Rinpoche đã thấy cát thiêu xuống sông để làm dịu sóng. Rồi phải băng qua một giải đất trống mênh mông nằm trong tầm nhìn của con lộ nơi các đoàn xe vận tải quân sự Trung Cộng luôn qua lại. May mắn thay khi đoàn người cưỡi ngựa băng qua, không có một xe tải nào xuất hiện cả. Và sau cùng phải vượt rừng Hy-Mã-Lạp-Sơn, rừng núi chốn chớ cao nhất thế giới, quanh năm tuyết phủ.

Dù chưa bao giờ được nghe nói đến Rinpoche nhưng khi đọc tên Khamtrul Rinpoche trong một lá thư gửi tới ni viện, Diane đã khởi lên một niềm tin mãnh liệt và khát khao được quy y vị thầy này. Lần đầu đối diện với Rinpoche, cô có cảm giác gặp một người cô biết rất rõ, muốn được gần gũi mà đã bao lâu nay không được gặp mặt. Kèm theo đó là cái cảm giác dường như cái sâu kín nhất trong con người cô đã xuất hiện thành Rinpoche ở trước mặt. Đó là cuộc gặp gỡ với một vị thầy đích thực, một việc hiếm có. Cô xin được quy y và xuất gia với Rinpoche, người đặt cho cô pháp danh Drubgyu Tenzin Palmo, có nghĩa là Ô Người Phụ Nữ Quang Vinh Giữ Gìn Giáo Pháp của Dòng Truyền Thừa Thực Hành, và như thế cô là người phụ nữ Tây phương thứ hai xuất gia theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, mở đầu cho phong trào rất nhiều phụ nữ từ khắp Âu Châu, Bắc Mỹ, Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan theo bước chân cô.

(còn tiếp)



